

Bản án số: 55/2021/DS- ST

Ngày 05/11/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Lệ Hồng

2. Bà Phạm Thị Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 271/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2021/QĐST-DS, ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1965; Nơi cư trú ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị H và bà P có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Kim H trình bày:

Vào năm 2017 chị có làm đầu thảo và bà P tham gia 05 dây hội cụ thể như sau:

- Dây 1: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 25/4/2017 (âm lịch), hội gồm 26 phần, bà P tham gia 01 phần, bà P đã hốt hội ngày 25/7/2017 (âm lịch), chị đã giao đủ tiền là 19.430.000 đồng, bà P đã đóng hội chết đến ngày 25/10/2018 nên còn nợ lại 06 tháng với số tiền 6.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/6/2017 (âm lịch), hụi gồm 25 phần, bà P tham gia 01 phần, bà P đã hốt hụi ngày 20/8/2017 (âm lịch), chị đã giao đủ tiền là 17.880.000 đồng, bà P đã đóng hụi chết đến ngày 20/10/2018 nên còn nợ lại 08 tháng với số tiền 8.000.000 đồng.

- Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 29/3/2018 (âm lịch), hụi gồm 26 phần, bà P tham gia 01 phần, bà P đã hốt hụi ngày 29/6/2018 (âm lịch), chị đã giao đủ tiền là 17.670.000 đồng, bà P đã đóng hụi chết đến ngày 29/10/2018 là 04 tháng nhưng chị đóng có 3.400.000 đồng (thiếu 600.000 đồng) , nên dây hụi này bà P còn nợ lại 18.600.000 đồng (trong đó 18.000.000 đồng là 18 tháng tiền hụi chết và 600.000 đồng của những tháng trước còn nợ lại).

- Dây 4: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2018 (âm lịch), hụi gồm 23 phần, bà P tham gia 01 phần, bà P đã hốt hụi ngày 10/8/2018 (âm lịch), chị đã giao đủ tiền là 14.890.000 đồng, bà P đã đóng hụi chết đến ngày 10/11/2018 nên còn nợ lại 19 tháng với số tiền 19.000.000 đồng.

- Dây 5: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2018 (âm lịch), hụi gồm 23 phần, bà P tham gia 01 phần, bà P đã hốt hụi ngày 10/8/2018 (âm lịch), chị đã giao đủ tiền là 14.890.000 đồng, bà P đã đóng hụi chết đến ngày 10/11/2018 nên còn nợ lại 19 tháng với số tiền 19.000.000 đồng.

Sau đó, hai bên chị và bà P có gặp nhau đối chiếu nợ nhưng không nhớ rõ ngày tháng nên hai bên thống nhất ghi là ngày 10/8/2018 (al) và hiện bà P còn nợ chị tổng số tiền là 70.600.000 đồng. Hai bên có viết giấy tay, sau đó bà P đã trả cho chị được 15.650.000 đồng nên còn nợ lại 54.950.000 đồng. Nay chị yêu cầu bà P trả số tiền này, không yêu cầu tính lãi.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị P trình bày như sau:

Bà thừa nhận bà cho tham gia chơi hụi do chị H làm đầu thảo là 05 dây hụi như chị H trình bày. Quá trình tham gia hụi chị H có giao giấy hụi (nội dung ghi ngày mở hụi, số hụi viên tham gia,...) nhưng bà không có lấy do nhà ở kế bên. Sau khi bà bị bề nợ (khoảng tháng 11/2018 âm lịch) thì chồng của bà có đến gặp chị H để thỏa thuận nhưng chị H nói là hiện tại bà chỉ còn thiếu có 04 dây hụi gồm hụi ngày 25/4/2017, 20/6/2017, 10/8/2018 với tổng số tiền là 52.000.000 đồng. Sau đó bà đã trả cho chị H được 15.650.000 đồng nên còn nợ lại 36.350.000 đồng. Bà đã nhận kết luận giám định, bà không đồng ý nhưng bà không yêu cầu giám định lại

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; thông báo thụ lý vụ án đã gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; thông báo giao nộp chứng cứ đúng quy định; kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H đối với bà Trần Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”. Xác định bà Nguyễn Kim H là nguyên đơn, bà Trần Thị P là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bà Trần Thị P có nơi cư trú tại xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Chị Nguyễn Kim H yêu cầu bà Trần Thị P phải trả cho chị số tiền hội còn thiếu là 54.950.000 đồng không yêu cầu tính lãi, bà P chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền hội còn thiếu là 36.350.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất các dây hội mà bà P tham gia do chị H làm đầu thảo. Bà P trình bày đã trả xong tiền hội đối với dây hội ngày 29/3/2018 nhưng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của bà. Mặt khác, căn cứ vào Kết luận giám định số 289/2021/GĐTL ngày 09/7/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bến Tre xác định chữ viết “P” trong giấy hội ngày 10/8/2018 (al) là do bà P viết. Do đó, lời trình bày của bà P là không có căn cứ mà lời trình bày của chị H là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận.

Sau khi hai bên đã ký đối chiếu nợ ngày 10/8/2018 (al) chị H cho rằng bà P đã trả chị số tiền là 15.650.000 đồng nên bà P còn nợ lại số tiền 54.950.000 đồng, còn bà P chỉ thừa nhận còn thiếu chị H số tiền 36.350.000 đồng nhưng bà P không có tài liệu chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị bà P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.747.500 do vi phạm nghĩa vụ.

Về chi phí giám định chữ ký là 2.250.000 đồng bà Trần Thị P phải chịu do Phòng kỹ thuật hình sự xác định là chữ ký của bà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim H:

Buộc bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Kim H số tiền hội còn thiếu là 54.950.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Thị P có nghĩa vụ chịu 2.747.500 đồng

Hoàn trả cho chị Nguyễn Kim H số tiền tạm ứng án phí 1.690.000 đồng theo biên lai thu số 0003097 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm